

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148/2020/TT-BCA

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2020

THÔNG TƯ

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 57/2015/TT-BCA NGÀY 26/10/2015 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN HƯỚNG DẪN VỀ TRANG BỊ PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 quy định Danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hoá nguy hiểm trên đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2015/TT-BCA ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn về trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2015/TT-BCA ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn về trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây viết gọn là Thông tư số 57/2015/TT-BCA)

1. Thay thế cụm từ “ô tô từ 04 chỗ ngồi trở lên” tại khoản 1 Điều 1 và khoản 1 Điều 4 bằng cụm từ “ô tô trên 09 chỗ ngồi”.

2. Thay thế cụm từ “Nghị định số 104/2009/NĐ-CP” tại khoản 2 Điều 4 bằng cụm từ “Nghị định số 42/2020/NĐ-CP”.

3. Thay thế Phụ lục I - Danh mục, định mức trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 57/2015/TT-BCA bằng Phụ lục I - Danh mục, định mức trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Thay thế Phụ lục II - Danh mục, định mức trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số

57/2015/TT-BCA bằng Phụ lục II - Danh mục, định mức trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ vận chuyên hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy

Phương tiện phòng cháy và chữa cháy trang bị đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ được kiểm định theo quy định tại Điều 38 của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.”

Điều 2. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2021.

2. Trách nhiệm thi hành:

a) Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này;

b) Lực lượng Cảnh sát giao thông trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và theo thẩm quyền được giao có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, xử lý vi phạm quy định về trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ theo quy định của pháp luật;

c) Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:

Hướng dẫn, kiểm tra và định kỳ vào cuối tháng 11 hằng năm báo cáo Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ) việc thực hiện hướng dẫn về trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thuộc phạm vi quản lý;

Tổng hợp đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung danh mục, định mức trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thuộc phạm vi quản lý báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ);

d) Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ) để có hướng dẫn kịp thời./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Công an;
- Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;

Đại tướng Tô Lâm

- Công báo;
- Công thông tin điện tử Chính phủ, Bộ Công an;
- Lưu: VT, C07.

PHỤ LỤC I

DANH MỤC, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 148/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an)

STT	Loại phương tiện	Danh mục, định mức trang bị		
		Bình bột chữa cháy xách tay có khối lượng chất chữa cháy không nhỏ hơn 2 kg hoặc bình khí chữa cháy CO ₂ xách tay có khối lượng chất chữa cháy không nhỏ hơn 2 kg hoặc bình chữa cháy gốc nước xách tay có dung tích chất chữa cháy không nhỏ hơn 3 lít	Bình bột chữa cháy xách tay có khối lượng chất chữa cháy không nhỏ hơn 4 kg hoặc bình khí chữa cháy CO ₂ xách tay có khối lượng chất chữa cháy không nhỏ hơn 5 kg hoặc bình chữa cháy gốc nước xách tay có dung tích chất chữa cháy không nhỏ hơn 6 lít	Đèn pin cầm tay
1	Ô tô trên 09 chỗ ngồi			
1.1	Ô tô từ 10 đến 30 chỗ ngồi	02 bình		01 chiếc
1.2	Ô tô trên 30 chỗ ngồi	02 bình	01 bình	01 chiếc
2	Rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc chở khách được kéo bởi xe ô tô, máy kéo	01 bình	02 bình	01 chiếc

PHỤ LỤC II

DANH MỤC, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA NGUY HIỂM VỀ CHÁY, NỔ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 148/2020/TT-BCA, ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an)

STT	Loại hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ vận chuyển bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	Danh mục, định mức trang bị				
		Bình bột chữa cháy xách tay có khối lượng chất chữa cháy không nhỏ hơn 4 kg	Kim cộng lực (Chiều dài tối thiểu 600 mm; cắt được sắt có đường kính tối thiểu Ø10 mm)	Búa (Khối lượng đầu búa tối thiểu 1,25 kg)	Xà beng (Bằng thép, bề mặt sơn tĩnh điện; có chiều dài tối thiểu 750 mm; một đầu dẹt và một đầu cong để nâng, bẩy vật nặng)	Đèn pin phòng nổ cầm tay
1	Loại 1. Chất nổ và vật phẩm dễ nổ					
1.1	Phương tiện vận chuyển có trọng tải	02 bình	01 chiếc	01 chiếc	01 chiếc	01 chiếc

	dưới 5 tấn					
1.2	Phương tiện vận chuyển có trọng tải từ 5 tấn trở lên	03 bình	01 chiếc	01 chiếc	01 chiếc	01 chiếc
2	Loại 2. Khí (khí dễ cháy; khí không dễ cháy, không độc hại; khí độc hại)					
2.1	Phương tiện vận chuyển có trọng tải dưới 5 tấn	02 bình	01 chiếc	01 chiếc	01 chiếc	01 chiếc
2.2	Phương tiện vận chuyển có trọng tải từ 5 tấn trở lên	03 bình	01 chiếc	01 chiếc	01 chiếc	01 chiếc
3	Loại 3. Chất lỏng dễ cháy và chất nổ lỏng khử nhạy					
3.1	Phương tiện vận chuyển có trọng tải dưới 5 tấn	02 bình	01 chiếc	01 chiếc	01 chiếc	01 chiếc
3.2	Phương tiện vận chuyển có trọng tải từ 5 tấn trở lên	03 bình	01 chiếc	01 chiếc	01 chiếc	01 chiếc
4	Loại 4. (Chất rắn dễ cháy, chất tự phản ứng và chất nổ rắn được ngâm trong chất lỏng hoặc bị khử nhạy; chất có khả năng tự bốc cháy; chất khi tiếp xúc với nước tạo ra khí dễ cháy)					
4.1	Phương tiện vận chuyển có trọng tải dưới 5 tấn	02 bình	01 chiếc	01 chiếc	01 chiếc	01 chiếc
4.2	Phương tiện vận chuyển có trọng tải từ 5 tấn trở lên	03 bình	01 chiếc	01 chiếc	01 chiếc	01 chiếc
5	Loại 9: Các chất và hàng nguy hiểm khác					
5.1	Phương tiện vận chuyển có trọng tải dưới 5 tấn	01 bình	01 chiếc	01 chiếc	01 chiếc	01 chiếc
5.2	Phương tiện vận chuyển có trọng tải từ 5 tấn trở lên	02 bình	01 chiếc	01 chiếc	01 chiếc	01 chiếc